

※Vi lịch trực cấp cứu của các bệnh viện trong vài trường hợp sẽ có sự thay đổi, vui lòng xác nhận lại theo số điện thoại này 0800-222-1199

※Cần đi chung với người có thể nói tiếng Nhật

※Khoa nhi chỉ dành cho những trẻ em dưới 15 tuổi.

※Khi đi khám bệnh, nhớ mang theo thẻ bảo hiểm.

Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ban đêm(Nội khoa-Khoa Nhi- Ngoại khoa)

Ngày	Khoa	19:00-22:00	kh o a	22:00-8:30	Bệnh viện
1					内 SHIZUOKA KOSEI
					小 SHIMIZU KOSEI
					外 SHIRITSU SHIZUOKA
2					内 SHIRITSU SHIZUOKA
					小 KENRITSU SOGO
					外 SEKIJUJI
3					内 SEKIJUJI
					小 SHIRITSU SHIMIZU
					外 SAISEIKAI
4					内 SAISEIKAI
					小 KODOMO
					外 KENRITSU SOGO
5					内 KENRITSU SOGO
					小 SEKIJUJI
					外 SHIRITSU SHIZUOKA
6					内 SHIRITSU SHIZUOKA
					小 SAISEIKAI
					小 SHIMIZU KOSEI
					外 SEKIJUJI
7					内 KENRITSU SOGO
					小 SHIRITSU SHIMIZU
					小 SHIZUOKA KOSEI
					外 SAISEIKAI
8					内 SEKIJUJI
					小 SHIRITSU SHIZUOKA
					外 SHIZUOKA KOSEI
					内 SAISEIKAI
					小 SEKIJUJI
					外 KENRITSU SOGO
9					内 KENRITSU SOGO
					小 SHIMIZU KOSEI
					外 SHIRITSU SHIZUOKA
10					内 SHIRITSU SHIZUOKA
					小 SHIRITSU SHIMIZU
					外 SEKIJUJI
					内 SEKIJUJI
					小 SHIRITSU SHIZUOKA
					外 SAISEIKAI
					内 SAISEIKAI
					小 SEKIJUJI
					小 SHIMIZU KOSEI
					外 KENRITSU SOGO
14					内 KENRITSU SOGO
					小 SHIRITSU SHIMIZU
					外 SAISEIKAI
					内 SAISEIKAI
					小 SEKIJUJI
					小 SHIMIZU KOSEI
					外 KENRITSU SOGO
15					内 KENRITSU SOGO
					小 SHIRITSU SHIMIZU
					外 SAISEIKAI
					外 SHIRITSU SHIZUOKA
					内 SHIRITSU SHIZUOKA
					小 KODOMO
					外 SEKIJUJI



Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ngày thứ bảy

Nội khoa-Khoa Nhi- Ngoại khoa (12:00-19:00)					
Ngày	Khoa	Bệnh viện tư nhân	Địa chỉ	Tel	
			(A):AOI-KU (S):SURUGA-KU		
6	内	KIKUCHI NAIKA	(S) SHINKAWA 2chome	284-7171	
	小	KAN SHONIKA	(A) NAGANUMA	267-3755	
	外	OTA GEKA	(A) KITA	247-0003	
13	内	OCHIAI SHINRYOUJO	(S) MOCHIMUNE 4chome	258-1007	
	小	KATSUMATA SHONIKA	(A) KOUYA-MACHI	252-6801	
	外	TOMONO GEKA	(A) HIGASHI TAKAJO-MACHI	245-6236	

Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ngày thứ bảy

8:00-19:00					
Ngày	Khoa	Bệnh viện tư nhân	Địa chỉ	Tel	
			(A):AOI-KU (S):SURUGA-KU		
7	内小	OISHI NAIKA	(A) TAKAJO 2chome	252-0585	
	内小	FUKITA CLINIC	(A) OIWA-CHO	249-0888	
	内小	SHIRATORI NAIKA	(S) TOYODA 1chome	289-0555	
	小	IYAMA SHONIKA	(A) HIGASHI KUSABUKA-CHO	247-3927	
	外	SHINOHARA GEKA	(A) ANDO 2chome	247-0716	
	外	MIZOGUCHI SEIKEIGEA	(A) ABEGUCHI-SHINDEN	296-5622	
	産婦	TOMIMATSU CLINIC	(A) HIGASHI CHIYODA 1chome	261-1730	
	耳鼻	OMACHI JIBIKA	(S) YAHATA 5chome	281-4133	
	眼	KORA GANKA	SHIMIZU-KU SHINTOMI-CHO	364-1010	
14	内小	MORIYA NAIKA	(A) HATORI 1chome	278-6726	
	内小	OHARA NAIKA	(A) KUTSUNOYA 5chome	264-1211	
	内小	HAGIWARA NAIKA	(S) NISHIWAKI	287-5332	
	小	UENOYAMA SHONIKA	(A) RYUNAN 3chome	200-2200	
	外	YAMANASHI SEIKEIGEA	(A) KOMAGATA-DORI 2chome	252-3372	
	外	ITAI CLINIC	(S) MAGARIKANE 7chome	282-5525	
	産婦	-	-	-	
	耳鼻	WATANABE JIBIKA	(S) TERADA	258-0220	
	眼	NISHIKUSABUKA GANKA	(A) NISHI KUSABUKA-CHO	253-7530	

【Khoa】

- 内 : Nội khoa
- 小 : Khoa Nhi
- 外 : Ngoại khoa
- 産婦 : Phụ khoa
- 耳鼻 : Khoa Tai- Mũi- Họng
- 眼 : Khoa mắt

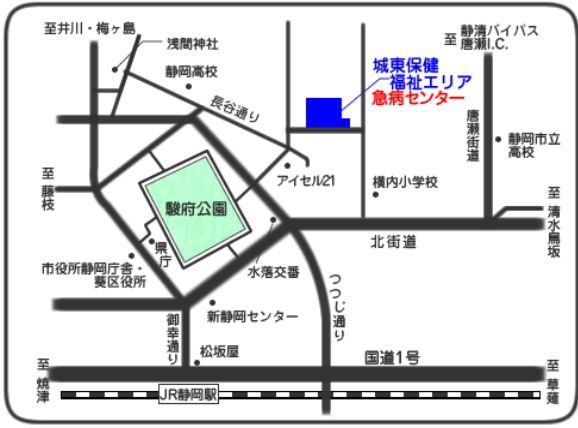
【Bệnh viện】

- KENRITSU SOGO : KENRITSU SOGO BYOIN
AOI-KU, KITA ANDO 4chome 27-1 Tel 247-6111
- KODOMO : KENRITSU KODOMO BYOIN
AOI-KU, URUSHIYAMA 860 Tel 247-6251
- SAISEIKAI : SHIZUOKA SAISEIKAI BYOIN
SURUGA-KU, OSHIKA 1chome 1-1 Tel 285-6171
- SEKIJUJI : SHIZUOKA SEKIJUJI BYOIN
AOI-KU, OTE-MACHI 8-2 Tel 254-4311

- SHIRITSU SHIMIZU : SHIRITSU SHIMIZU BYOIN
SHIMIZU-KU, MIYAKAMI 1231 Tel 336-1111
- SHIRITSU SHIZUOKA : SHIRITSU SHIZUOKA BYOIN
AOI-KU, OTE-MACHI 10-93 Tel 253-3125
- SHIMIZU KOSEI : SHIMIZU KOSEI BYOIN
SHIMIZU-KU, IHARA-CHO 578-1 Tel 366-3333
- SHIZUOKA KOSEI : SHIZUOKA KOSEI BYOIN
AOI-KU, KITABAN-CHO 23 Tel 271-7177

Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ban đêm (Nội khoa-Khoa Nhi- Ngoại khoa)

Ngày	Khoa	19:00-22:00	
		k h o a	22:00-8:30 Bệnh viện
16		内	SEKJUJI
		小	KENRITSU SOGO
		外	SAISEIKAI
17		内	SAISEIKAI
		小	KODOMO
		外	KENRITSU SOGO
18		内	KENRITSU SOGO
		小	SHIRITSU SHIMIZU
		外	SHIRITSU SHIZUOKA
19		内	SHIZUOKA KOSEI
		小	SHIRITSU SHIZUOKA
		外	SEKJUJI
20		内	SAISEIKAI
		小	KENRITSU SOGO
		小	SHIMIZU KOSEI
		外	SHIZUOKA KOSEI
21		内	SEKJUJI
		小	KODOMO
		小	SHIRITSU SHIZUOKA
		外	SAISEIKAI
22		内	SHIRITSU SHIZUOKA
		小	SHIRITSU SHIMIZU
		小	SAISEIKAI
		外	KENRITSU SOGO
23		内	KENRITSU SOGO
		小	SEKJUJI
		外	SHIRITSU SHIZUOKA
24		内	SAISEIKAI
		小	SHIMIZU KOSEI
		外	SEKJUJI
25		内	SEKJUJI
		小	SHIRITSU SHIMIZU
		外	SAISEIKAI
26		内	SHIRITSU SHIZUOKA
		小	SHIZUOKA KOSEI
		外	KENRITSU SOGO
27		内	KENRITSU SOGO
		小	SEKJUJI
		外	SHIRITSU SHIZUOKA
28		小	KODOMO
		外	SHIRITSU SHIZUOKA
		内	SAISEIKAI
		小	KENRITSU SOGO
		小	SHIRITSU SHIMIZU
		外	SEKJUJI
29		内	SEKJUJI
		小	SHIMIZU KOSEI
		外	SAISEIKAI
30		内	KENRITSU SOGO
		小	SHIRITSU SHIZUOKA
		外	SHIZUOKA KOSEI
31		内	SHIRITSU SHIZUOKA
		小	SAISEIKAI
		外	KENRITSU SOGO



Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ngày thứ bảy

Nội khoa-Khoa Nhi- Ngoại khoa (12:00-19:00)				
Ngày	Khoa	Bệnh viện tư nhân	Địa chỉ (A):AOI-KU (S):SURUGA-KU	Tel
20	内小	KITAZAWA NAIKA	(A) TAMACHI 2 chome	205-4171
	内小	KIDS CLINIC SANO	(S) SHIKIJI 1chome	237-1134
	外	KAMIASHI SEIKEIGEKA	(A)KAMIASHIARAI 1chome	249-5556
27	内小	HIGASHI SHIZUOKA CLINIC	(S) MAGARIKANE 6chome	288-2111
	小	SUNAGAWA CLINIC	(A) INOMIYA-CHO	205-2088
	外	OMURA SEIKEIGEKA	(A) ZAIMOKU-CHO	271-3578

Lịch trực cấp cứu của các bệnh viện vào ngày thứ bảy

8:00-19:00				
Ngày	Khoa	Bệnh viện tư nhân	Địa chỉ (A):AOI-KU (S):SURUGA-KU	Tel
21	内小	MATSUURA NAIKA	(A) MIZUOCHI-CHO	245-5613
	内小	YAMAMOTO NAIKA	(A) KAWAI 3chome	263-7676
	内小	SUGIYAMA NAIKA	(S) TORO 5chome	285-0778
	小	KAWAHARA SHONIKA	(S) TORO 2chome	283-8724
	外	OKAMOTO GEKA	(S) MAGARIKANE 4chome	202-0108
	外	MAEDA SEIKEIGEKA	(A) DAIKU-CHO	252-5852
	産婦	KUSANAGI CLINIC	(S) HIJIRI ISSHIKI	265-8877
	耳鼻	YOSHIOKA KIKUGAWA JIBIKA	(A) AGETSUCHI 2chome	262-5588
	眼	TSUSHIMA GANKA	(S) TORO 4chome	288-7785
22	内小	YUZUNOKICHO NAIKA	(A) YUZUNOKI-CHO	253-0014
	内小	SUGIURA NAIKA	(S) MIZUHO 4chome	257-7799
	内小	MIKAMI NAIKA	(S) NISHI OYA	237-5653
	小	MOCHIZUKI SHONIKA	(A) OTE-MACHI	252-0422
	外	IWASAKI IIN	(A) KITABAN-CHO	271-8882
	外	YAMANAKA SEIKEIGEKA	(S) SHIKIJI 1chome	238-3066
	産婦	-	-	-
	耳鼻	NOGUCHI JIBIKA	(S) MAGARIKANE 3chome	281-2676
	眼	NAKAMURA GANKA	SHIMIZU-KU TENJIN 1chome	366-8488
28	内小	MITAKE NAIKA	(A) HIGASHI TAKAJO-MACHI	249-1221
	内小	WATANABE CLINIC	(S) MINAMI-CHO	285-5837
	小	KOGUMA CLINIC	(S) KUNIYOSHIDA 5chome	655-4800
	外	SHIBA IIN	(A) SAKAE-CHO	254-1576
	外	OKA GEKA	(A) HON-TORI NISHIMACHI	255-5514
	産婦	-	-	-
	耳鼻	MIYAGISHIMA JIBI	(A)KAMIASHIARAI	207-7402
	眼	NAMBA GANKA	(A) HIGASHI TAKAJO-MACHI	245-5256

【Khoa】

- 内 : Nội khoa
- 小 : Khoa Nhi
- 外 : Ngoại khoa
- 産婦: Phụ khoa
- 耳鼻: Khoa Tai- Mũi- Họng
- 眼 : Khoa mắt